

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu hai (02) phường Bình Hưng, Hưng Long,  
thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/2.000**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng, quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phan Thiết đến năm 2040;*

*Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đến năm 2040;*

*Căn cứ Quyết định số 3201/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu hai (02) phường Bình Hưng, Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/2.000;*

Căn cứ Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ đồ án quy hoạch phân khu hai (02) phường Bình Hưng, Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ đồ án quy hoạch phân khu hai (02) phường Bình Hưng, Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Công văn số 2522/UBND-ĐTQH ngày 08/7/2020 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc điều chỉnh ranh và phương án phân lô chi tiết hai bên đường Lê Duẩn (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Trần Hưng Đạo), thành phố Phan Thiết;

Căn cứ Công văn số 373-CV/TU ngày 23/6/2021 của Thường trực Thành ủy về việc triển khai thực hiện một số công việc liên quan đến 03 tuyến đường ở phường Bình Hưng và Hưng Long;

Căn cứ Công văn số 211/SXD-QHKT ngày 23/01/2019 của Sở Xây dựng về việc góp ý đồ án quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng – Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Công văn số 3796/SXD-QHKT ngày 23/12/2019 của Sở Xây dựng về việc có ý kiến về việc điều chỉnh nhiệm vụ 02 đồ án quy hoạch phân khu 05 phường Bắc sông, thành phố Phan Thiết;

Căn cứ Công văn số 2264/SXD-QHKT ngày 11/8/2020 của Sở Xây dựng về việc rà soát, cập nhật các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh vào đồ án quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng, Hưng Long;

Căn cứ Công văn số 3649/SGTVT-HTGT ngày 03/12/2020 của Sở Giao thông vận tải về việc góp ý về đồ án quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng, Hưng Long;

Căn cứ Công văn số 288/SXD-QHKT ngày 22/01/2021 của Sở Xây dựng về việc góp ý về hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng – Hưng Long, thành phố Phan Thiết;

Căn cứ Công văn số 3142/SCT-QLNL ngày 09/12/2021 của Sở Công thương về việc góp ý về đồ án quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng, Hưng Long;

Căn cứ Công văn số 154/SXD-QHKT ngày 14/01/2022 của Sở Xây dựng về việc góp ý về hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng – Hưng Long, thành phố Phan Thiết (lần 02);

Căn cứ Công văn số 4471/CAT-PC07 ngày 23/8/2022 của Công an tỉnh về việc góp ý về PCCC đối với đồ án quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng, Hưng Long, thành phố Phan Thiết;

Căn cứ Công văn số 2625/SXD-QHKT ngày 18/10/2022 của Sở Xây dựng về việc góp ý về hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng – Hưng Long, thành phố Phan Thiết (lần 03);

*Căn cứ Thông báo số 705/TB-SXD ngày 29/11/2022 của UBND thành phố Phan Thiết về việc Ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND thành phố - Phan Nguyễn Hoàng Tân tại cuộc họp góp ý, thông qua đề án Quy hoạch phân khu 03 phường Phú Trinh, Phú Thủy, Thanh Hải và đề án Quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng, Hưng Long, thành phố Phan Thiết;*

*Căn cứ Thông báo số 447-TB/VPTU ngày 26/12/2022 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về việc di dời Xí nghiệp chế biến thủy sản Phan Thiết;*

*Căn cứ Thông báo số 569-TB/TU ngày 29/12/2022 của Thường trực Thành ủy tại buổi làm việc về đề án Quy hoạch phân khu 03 phường Phú Trinh, Phú Thủy, Thanh Hải và Quy hoạch phân khu 02 phường Bình Hưng, Hưng Long;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố tại Tờ trình số 2225/TTr-QLĐT ngày 29/12/2022 và Báo cáo thẩm định số 2224/QLĐT ngày 29/12/2022,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phân khu hai (02) phường Bình Hưng, Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/2.000 với các nội dung như sau:

### **1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:**

**a.** Phạm vi ranh giới: Toàn bộ khu vực hai (02) phường Bình Hưng – Hưng Long thuộc thành phố Phan Thiết, có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp Biển Đông;
- Phía Nam: Giáp sông Cà Ty, Biển Đông;
- Phía Tây: Giáp Phường Phú Trinh, sông Cà Ty;
- Phía Bắc: Giáp Phường Phú Trinh, Phú Thủy.

**b.** Quy mô diện tích: **160,60 ha** (Toàn bộ diện tích tự nhiên 02 phường Bình Hưng, Hưng Long).

### **2. Tính chất, năm định hình quy hoạch:**

#### **2.1. Tính chất:**

- Là các phường nội thị thành phố Phan Thiết, bao gồm các khu dân cư, dịch vụ thương mại, du lịch và tiểu thủ công nghiệp, trong đó khu dịch vụ thương mại là chủ yếu;

- Là khu trung tâm kinh tế chính trị và văn hoá của thành phố Phan Thiết và tỉnh Bình Thuận;

- Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng với tiêu chí thành phố Phan Thiết đạt tiêu chuẩn đô thị loại I.

#### **2.2. Năm định hình quy hoạch:**

- Giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2030.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2031 đến năm 2040.

### **3. Quy mô dân số:**

- Dân số hiện trạng: 18.745 người.
- Dự kiến đến năm 2030: Khoảng 23.205 người.
- Dự kiến đến năm 2040: Khoảng 28.846 người.

**4. Quy mô đất đai xây dựng đô thị:** Theo Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch phân khu hai (02) phường Bình Hưng, Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/2.000.

### **5. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

#### **5.1. Định hướng phát triển không gian đô thị:**

##### **5.1.1. Giai đoạn 1 (Từ năm 2021 đến năm 2030):**

##### **a. Trung tâm hành chính:**

- Khu vực UBND tỉnh và Trung tâm hội nghị Tỉnh: Giữ nguyên hiện trạng.
- Khu vực các trụ sở cơ quan Tỉnh dọc đường Nguyễn Tất Thành: Trong giai đoạn 1, vẫn giữ nguyên.

- Các công trình UBND phường Bình Hưng và UBND phường Hưng Long: Giữ nguyên vị trí hiện hữu.

##### **b. Trung tâm thương mại dịch vụ:**

- Ngoài Siêu thị CoopMart Phan Thiết hiện hữu nằm ở đầu đường Nguyễn Tất Thành thì theo định hướng quy hoạch, trục đường này sẽ là trục thương mại dịch vụ trong tương lai.

- Khu vực đường Phạm Văn Đồng là trục dịch vụ ẩm thực.

##### **c. Trung tâm văn hóa – Thể thao:**

- Đất Nhà Văn hóa thiếu nhi tỉnh cũ chuyển thành đất công viên cây xanh.
- Công trình Nhà hát và Triển lãm văn hóa nghệ thuật tỉnh sẽ được xây dựng trên khu đất Nhà hát cũ trước đây trên đường Nguyễn Tất Thành.

- Các công trình văn hóa khác (Thư viện Tỉnh, Trung tâm Thể dục thể thao,...): Giữ nguyên vị trí.

##### **d. Trung tâm giáo dục, y tế:**

- Khu đất Trường Chính trị, Trường Cao đẳng Cộng Đồng trên đường Lê Lợi chuyển sang quỹ đất dự trữ phát triển. Các trường học trên địa bàn 02 phường giữ nguyên vị trí.

- Giữ nguyên vị trí các Trạm y tế của 02 phường.

##### **e. Cây xanh công viên:**

- Đất công viên cây xanh: Công viên Đồi Dương, Công viên Thương Chánh.

**f. Đất ở:**

- Dọc các trục đường chính đô thị như Trần Hưng Đạo, Tôn Đức Thắng, Tuyên Quang, Lê Lợi,... là loại hình đất ở kết hợp thương mại dịch vụ.

- Nhà ở xã hội Phú Thịnh đang xây dựng.

**g. Đất dự trữ phát triển:**

- Để định hướng quy hoạch một số khu vực quan trọng của thành phố Phan Thiết trong tương lai với nội dung: Quy hoạch cảnh quan 02 bên đường Lê Lợi là tuyến đường ven biển (điểm đầu từ đường Nguyễn Tất Thành, điểm cuối là Công viên Thương Chánh): Giải phóng mặt bằng khu vực phía biển và Đài Thông tin duyên hải Phan Thiết (giữ lại Nhà thờ Vinh Phú, Trường Tiểu học Hưng Long 1, Trạm y tế, Công an phường Hưng Long), phía bên phải giữ nguyên hiện trạng, hình thành khu phố thương mại, ẩm thực dọc biển.

- Hình thành tuyến phố gắn với công viên biển góp phần chỉnh trang đô thị, mở rộng không gian biển để phục vụ nhân dân và du khách; hình thành dải công viên cây xanh cảnh quan (trục đường Nguyễn Tất Thành, dải công viên Đồi Dương, công viên Thương Chánh), hồ điều hòa được kết nối với nhau bởi các tuyến không gian mở dọc theo các trục giao thông tạo sự liên kết về không gian xanh trong toàn khu quy hoạch, góp phần làm tăng mỹ quan đô thị; hình thành tuyến phố gắn với công viên biển góp phần chỉnh trang đô thị, mở rộng không gian biển để phục vụ nhân dân và du khách.

- Tổ chức quy hoạch khu dân cư hồ điều hòa có một phần diện tích để sắp xếp, bố trí tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa phía biển đường Lê Lợi.

**5.1.2. Giai đoạn 2 (Từ năm 2031 đến năm 2040):**

- Trong giai đoạn 2 định hướng: Quy hoạch trục thương mại dịch vụ và cảnh quan 02 bên đường Nguyễn Tất Thành: Quy hoạch là trục đường chính đô thị của khu vực trung tâm thành phố Phan Thiết, đề xuất di dời cơ quan các Sở, ngành về khu Bắc Xuân An (Khu hành chính tập trung, quảng trường tỉnh). Định hướng quy hoạch dọc 02 bên trục đường Nguyễn Tất Thành với điểm đầu là tượng đài Chiến Thắng và hướng ra biển Đông kết thúc Quảng trường biển, tuyến đường ven biển.

- Tổ chức phố đi bộ, không gian tài chính, mua sắm cao cấp, phát triển kinh tế đêm,... là khu vực sầm uất sống động để thu hút khách du lịch. Đây là trục đường quan trọng của khu vực trung tâm, là bộ mặt và biểu tượng đặc trưng của thành phố, một thành phố du lịch biển; Tại đây sẽ xây dựng các công trình cao tầng, với kiểu dáng kiến trúc hiện đại là điểm nhấn cho không gian khu vực và cho toàn đô thị.

## 5.2. Định hướng phương án quy hoạch sử dụng đất:

**Bảng cân bằng sử dụng đất giai đoạn 1 (Từ năm 2021 đến năm 2030)**

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
		(ha)	(%)
<b>I</b>	<b>ĐẤT DÂN DỤNG</b>	<b>115,78</b>	<b>72,09</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT CÁC NHÓM NHÀ Ở</b>	<b>56,27</b>	<b>35,04</b>
1.1	ĐẤT Ở HIỆN HỮU CHỈNH TRANG	46,48	
1.2	ĐẤT SỬ DỤNG HỖN HỢP	8,93	
1.4	NHÀ Ở XÃ HỘI, CHUNG CƯ TÁI ĐỊNH CƯ	0,86	
<b>2</b>	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG</b>	<b>15,60</b>	<b>9,71</b>
<b>2.1</b>	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ</b>	<b>13,33</b>	
2.1.1	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	0,22	
	<i>QUẢNG TRƯỜNG BIỂN</i>	<i>0,22</i>	
2.1.2	ĐẤT GIÁO DỤC	<i>0,54</i>	
	<i>TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG</i>	<i>0,54</i>	
2.1.3	ĐẤT VĂN HÓA - TDTT	3,66	
2.1.3.1	<i>TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO</i>	<i>1,03</i>	
2.1.3.2	<i>ĐẤT VĂN HÓA</i>	<i>2,63</i>	
2.1.4	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	8,91	
	<i>ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</i>	<i>8,91</i>	
<b>2.2</b>	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở</b>	<b>2,26</b>	
2.2.1	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	0,16	
	<i>HỘI TRƯỜNG KHU PHỐ</i>	<i>0,16</i>	
2.2.2	ĐẤT GIÁO DỤC	1,79	
2.2.1.1	<i>TRƯỜNG MẦM NON</i>	<i>0,57</i>	
2.2.1.2	<i>TRƯỜNG TIỂU HỌC</i>	<i>1,22</i>	
2.2.3	ĐẤT Y TẾ	<i>0,06</i>	

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
		(ha)	(%)
	<i>TRẠM Y TẾ</i>	0,06	
2.2.4	ĐẤT VĂN HÓA - TDĐT	0,25	
	<i>TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO</i>	0,25	
<b>3</b>	<b>ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG</b>	<b>14,21</b>	<b>8,85</b>
3.1	ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ	10,44	
3.2	ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG TRONG ĐƠN VỊ Ở	3,77	
<b>4</b>	<b>ĐẤT GIAO THÔNG, BÃI ĐỖ XE</b>	<b>29,70</b>	<b>18,49</b>
4.1	ĐẤT GIAO THÔNG TRONG ĐƠN VỊ Ở	3,91	
4.2	ĐẤT GIAO THÔNG ĐÔ THỊ	25,23	
4.3	BÃI ĐỖ XE	0,56	
<b>II</b>	<b>ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG</b>	<b>21,11</b>	<b>13,14</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT CÔNG NGHIỆP</b>	<b>5,07</b>	<b>3,16</b>
	CẢNG VẬN TẢI PHAN THIẾT	5,07	
<b>2</b>	<b>ĐẤT TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO</b>	<b>0,29</b>	<b>0,18</b>
	TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KT-KT	0,29	
<b>3</b>	<b>ĐẤT CƠ QUAN</b>	<b>8,71</b>	<b>5,42</b>
<b>4</b>	<b>ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH</b>	<b>2,34</b>	<b>1,46</b>
<b>5</b>	<b>ĐẤT AN NINH, QUỐC PHÒNG</b>	<b>4,70</b>	<b>2,92</b>
<b>III</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>	<b>23,72</b>	<b>14,77</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN</b>	<b>16,56</b>	<b>10,31</b>
<b>2</b>	<b>MẶT NƯỚC</b>	<b>5,44</b>	<b>3,39</b>
<b>3</b>	<b>BÃI CÁT</b>	<b>1,72</b>	<b>1,07</b>
	<b>TỔNG</b>	<b>160,60</b>	<b>100,00</b>

**Bảng cân bằng sử dụng đất giai đoạn 2 (Từ năm 2031 đến năm 2040)**

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
		(ha)	(%)
<b>I</b>	<b>ĐẤT DÂN DỤNG</b>	<b>120,58</b>	<b>75,08</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT CÁC NHÓM NHÀ Ở</b>	<b>56,27</b>	<b>35,04</b>
1.1	ĐẤT Ở HIỆN HỮU CHÍNH TRANG	46,48	
1.2	ĐẤT SỬ DỤNG HỖN HỢP	8,93	
1.3	NHÀ Ở XÃ HỘI, CHUNG CƯ TÁI ĐỊNH CƯ	0,86	
<b>2</b>	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG</b>	<b>20,40</b>	<b>12,70</b>
<b>2.1</b>	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ</b>	<b>18,13</b>	
2.1.1	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	0,22	
	<i>QUẢNG TRƯỜNG BIỂN</i>	<i>0,22</i>	
2.1.2	ĐẤT GIÁO DỤC	0,54	
	<i>TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG</i>	<i>0,54</i>	
2.1.3	ĐẤT VĂN HÓA - TDTT	3,66	
2.1.3.1	<i>TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO</i>	<i>1,03</i>	
2.1.3.2	<i>ĐẤT VĂN HÓA</i>	<i>2,63</i>	
2.1.4	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	13,71	
	<i>ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</i>	<i>13,71</i>	
<b>2.2</b>	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở</b>	<b>2,26</b>	
2.2.1	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	0,16	
	<i>HỘI TRƯỜNG KHU PHỐ</i>	<i>0,16</i>	
2.2.2	ĐẤT GIÁO DỤC	1,79	
2.2.1.1	<i>TRƯỜNG MẦM NON</i>	<i>0,57</i>	
2.2.1.2	<i>TRƯỜNG TIỂU HỌC</i>	<i>1,22</i>	
2.2.3	ĐẤT Y TẾ	0,06	
	<i>TRẠM Y TẾ</i>	<i>0,06</i>	



STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
		(ha)	(%)
2.2.4	ĐẤT VĂN HÓA - TDTT	0,25	
	<i>TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO</i>	0,25	
<b>3</b>	<b>ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG</b>	<b>14,21</b>	<b>8,85</b>
3.1	ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ	10,44	
3.2	ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG TRONG ĐƠN VỊ Ở	3,77	
<b>4</b>	<b>ĐẤT GIAO THÔNG, BÃI ĐỖ XE</b>	<b>29,70</b>	<b>18,49</b>
4.1	ĐẤT GIAO THÔNG TRONG ĐƠN VỊ Ở	3,91	
4.2	ĐẤT GIAO THÔNG ĐÔ THỊ	25,23	
4.3	BÃI ĐỖ XE	0,56	
<b>II</b>	<b>ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG</b>	<b>16,31</b>	<b>10,15</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT CÔNG NGHIỆP</b>	<b>5,07</b>	<b>3,16</b>
	CẢNG VẬN TẢI PHAN THIẾT	5,07	
<b>2</b>	<b>ĐẤT TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO</b>	<b>0,29</b>	<b>0,18</b>
	TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KT-KT	0,29	
<b>3</b>	<b>ĐẤT CƠ QUAN</b>	<b>3,91</b>	<b>2,43</b>
<b>4</b>	<b>ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH</b>	<b>2,34</b>	<b>1,46</b>
<b>5</b>	<b>ĐẤT AN NINH, QUỐC PHÒNG</b>	<b>4,70</b>	<b>2,92</b>
<b>III</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>	<b>23,72</b>	<b>14,77</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN</b>	<b>16,56</b>	<b>10,31</b>
<b>2</b>	<b>MẶT NƯỚC</b>	<b>5,44</b>	<b>3,39</b>
<b>3</b>	<b>BÃI CÁT</b>	<b>1,72</b>	<b>1,07</b>
	<b>TỔNG</b>	<b>160,60</b>	<b>100,00</b>

## 6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

### 6.1. San nền:

- Nguyên tắc san nền: thực hiện theo bản đồ Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật của đồ án Quy hoạch chung thành phố Phan Thiết, bám sát theo địa hình tự nhiên, cao độ khu dân cư hiện hữu và  $H_{xd}$ .

- Hướng dốc san nền theo hướng dốc hiện trạng từ Bắc xuống Nam, dốc về phía sông Cà Ty, biển Đông và các khu vực sông, hồ gần nhất. Cao độ san nền cho khu quy hoạch  $H_{xd} \geq +2,50m$ .

- Đối với các khu vực có cao độ nền xây dựng  $\geq +2,50m$  thì không san lấp lớn chỉ san gạt cục bộ để tạo mặt bằng xây dựng.

- Đối với các khu vực có cao độ nền xây dựng  $< +2,50m$  bao gồm các khu vực sau: đường Bà Triệu đoạn trước Nhà văn hóa thiếu nhi, đường Phạm Văn Đồng đoạn từ cầu Trần Hưng Đạo đến cảng vận tải, đường Võ Thị Sáu đoạn từ cầu Trần Hưng Đạo đến cảng vận tải thì tiến hành tôn nền để đạt cao độ xây dựng tối thiểu là  $+2,50m$ .

- Đối với các trục đường Trần Hưng Đạo, Tuyên Quang, Cường Để, Lê Lợi,... thường xuyên bị ngập cần cải tạo mặt đường, tạo hướng dốc, tránh lồi lõm cục bộ đồng thời tiến hành nâng cấp công dọc các tuyến đường này để thoát nhanh nước.

- Chi tiết cao độ không chế tại các điểm giao cắt đường được thể hiện trong bản vẽ san nền.

## **6.2. Thoát nước mưa:**

- Thiết kế hệ thống thoát nước nửa riêng:

+ Đối với khu vực hiện hữu: sử dụng hệ thống thoát nước chung (nước mưa cùng nước thải thoát chung một hệ thống cống), sử dụng giếng tách dòng nước thải.

+ Đối với khu vực xây dựng mới: sử dụng hệ thống thoát nước riêng, thu gom nước thải về nhà máy xử lý.

- Thiết kế quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy trọng lực.

- Hướng thoát nước chính là sông Cà Ty và biển Đông. Khu vực được chia làm 5 lưu vực chính và nhiều lưu vực phụ, bố trí theo hướng dốc địa hình, nhằm thuận lợi trong việc thoát nước. Nước mưa thoát về các trục thoát nước chính theo hướng ngắn nhất, lợi nhất về mặt thủy lực và phù hợp với không gian kiến trúc quy hoạch qua 10 cửa xả.

- Dựa vào mạng lưới giao thông và độ dốc, hướng dốc san nền và theo quy hoạch chung của thành phố Phan Thiết, bố trí hai bên đường các cống thoát nước, thoát về nhánh sông Cà Ty và biển Đông thông qua nhiều miệng xả.

- Sử dụng cống thoát nước BTCT kín, dạng cống tròn có tiết diện  $D=600 - D=1800$  (ống BTCT đúc li tâm loại H.30 và H.10).

- Cống thoát nước chủ yếu được bố trí dưới hè đi bộ và cách lề từ 0,7m đến 1,0m.

- Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh và có độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,50m trên vỉa hè và 0,7m khi qua đường.

- Các cống chính thoát thẳng ra nhánh sông Cà Ty và biển Đông.

- Khoảng cách giữa các hố ga thu nước và lắng cặn từ (25 – 35)m.

- Qua địa hình có độ dốc lớn, bố trí các giếng chuyển bậc nhằm giảm vận tốc dòng chảy ( $\leq 7\text{m/s}$ ) tránh gây hư hại hệ thống thoát nước.

- Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ và đồng bộ từ giếng thu nước, công nổi, giếng thăm, ga kỹ thuật đến mạng lưới các tuyến công thoát nước và cửa xả. khoản cách thiết kế theo quy định.

### **6.3. Giao thông:**

- Hệ thống mạng lưới giao thông trong khu quy hoạch dựa trên nền quy hoạch chung giao thông thành phố Phan Thiết, có điều chỉnh và phân bổ thêm các tuyến đường chính, đường nội bộ để phân khu chi tiết đảm bảo yêu cầu đi lại, giao dịch, kết nối các khu chức năng.

- Mạng lưới đường trong khu vực quy hoạch phân làm 2 loại là đường cấp đô thị và đường cấp khu vực.

**a. Giao thông cấp đô thị:** Có 3 tuyến đường bao gồm đường Lê Duẩn, đường Nguyễn Tất Thành và đường số 11.

**b. Giao thông cấp khu vực:** Bao gồm các tuyến đường Trần Hưng Đạo, đường Tôn Đức Thắng, đường Phạm Văn Đồng, đường Lê Lợi, đường Thủ Khoa Huân, đường Võ Thị Sáu, đường Lê Hồng Phong và đường số 31.

- Giao thông cấp nội bộ: Bao gồm đường phân khu vực, đường nhóm nhà ở và đường bê tông xi măng.

- Chi tiết xem bảng thống kê tuyến giao thông đô thị.

### **c. Giao thông tĩnh:**

- Hiện trạng có 1 bãi đỗ xe số 3 với diện tích  $700\text{m}^2$  còn khá nhỏ so với nhu cầu bến bãi. Vì vậy quy hoạch làm mới 02 bến xe và một bãi đỗ xe để phục vụ dân sinh với diện tích  $0,60\text{ha}$ .

### **6.4. Quy hoạch cấp nước:**

**a. Nguồn cấp:** Định hướng nguồn cấp cho khu quy hoạch gồm 2 nguồn:

- Nguồn nước từ Nhà máy nước Phan Thiết công suất  $32.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ .

- Nguồn nước từ Nhà máy nước Cà Giang (đặt tại xã Hàm Hiệp) công suất hiện hữu là  $35.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ .

**b. Tổng nhu cầu cấp nước:**  $9.296,05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

### **c. Mạng lưới cấp nước:**

- Tận dụng tuyến ống chuyển tải hiện hữu  $\text{Ø}500$  từ nhà máy nước Phan Thiết chạy dọc theo đường Hải Thượng Lãn Ông và các ống chuyển tải hiện hữu  $\text{Ø}200$ -  $\text{Ø}110$  dọc theo các đường lớn như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tất Thành, Võ Thị Sáu, Tôn Đức Thắng... làm ống cấp chính cho khu quy hoạch.

- Từ các tuyến ống chuyển tải hiện hữu, tổ chức thêm các tuyến ống Ø110-Ø160 chạy dọc theo các trục đường thiết kế mới. Sử dụng các tuyến ống hiện trạng kết hợp với hai tuyến ống thiết kế mới nhằm tăng khả năng cấp nước cho khu vực quy hoạch, với tỷ lệ cấp nước tính toán 100% dân số.

- Dựa vào mạng lưới giao thông của khu vực dự kiến bố trí những vòng khép kín với ống chính là các ống hiện hữu và các ống Ø110- Ø160 thiết kế mới. Các tuyến ống thiết kế thành mạch vòng vừa phục vụ cho sinh hoạt, vừa phục vụ cho các họng cứu hỏa. Từ các ống cấp chính sẵn có và các ống mạch vòng, sẽ bố trí các tuyến nhánh dọc hai bên đường giao thông đến tất cả các đối tượng dùng nước, khi quy hoạch sẽ thiết kế chi tiết từng khu vực cụ thể.

- Các tuyến ống thiết kế mới có đường kính Ø160, Ø110 bằng ống HDPE loại dày tốt, chuyên dụng cho cấp nước, chịu được áp lực toàn tuyến khi lắp đặt xong là 9 kG/cm<sup>2</sup>, các tuyến ống chính được chôn sâu dưới đất 1m và có áp lực nước đủ cấp lên bề mái của các nhà cao tầng. Ống nhánh chôn sâu 0,7m. Khi lắp đặt xong phải tiến hành thử áp lực tuyến ống với áp lực thử là: 9 kG/cm<sup>2</sup>.

**d. Cấp nước chữa cháy:** bố trí họng cấp nước chữa cháy D=100mm chung với đường ống cấp nước sinh hoạt trên các tuyến Ø160mm và Ø110mm thiết kế mới; tại ngã 3, ngã 4 các trục đường chính với bán kính phục vụ các họng là 150m.

## **6.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

### **6.5.1. Quy hoạch thoát nước thải:**

**a. Tổng lưu lượng nước thải:** 5.916,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt đạt 80% lượng nước cấp sinh hoạt.

#### **b. Mạng lưới nước thải sinh hoạt:**

- Nguồn tiếp nhận:

+ Toàn khu vực sử dụng hệ thống xử lý thuộc dự án ADB.

+ Toàn khu vực xây dựng đồ án sử dụng chung nhà máy XLNT thành phố có công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày.

- Thiết kế hệ thống thoát nước thải:

+ Định hướng quy hoạch 1 hệ thống thoát thải nữa riêng.

+ Đối với khu vực cũ, xây dựng tuyến cống bao thu gom nước thải về nhà máy xử lý, đồng thời xây dựng bổ sung các tuyến cống thoát nước thải, cải tạo dần hệ thống thoát nước chung.

+ Đối với khu vực xây dựng mới, xây dựng một hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa, thoát về nhà máy xử lý nước thải, làm sạch trước khi xả ra môi trường.

+ Đối với khu vực chưa có tuyến cống ADB đến, thiết kế bổ sung tuyến cống đầu nối.

+ Nước thải từ các khu dân cư, các công trình công cộng, các khu vực sản xuất nhỏ,... thoát ra các hố thu được đặt hai bên vỉa hè đường giao thông, theo nguyên tắc tự chảy trọng lực thoát về nhà máy xử lý.

+ Tất cả các loại nước thải sẽ được thu gom về nhà máy xử lý nước thải, làm sạch đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Điểm tiếp nhận nước thải sau khi xử lý là sông Bình Lợi.

+ Định hướng đến năm 2040 toàn khu vực sẽ hình thành hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn.

### **6.5.2. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:**

#### **a. Chất thải rắn:**

- Tổng lượng thu gom rác thải là 48,75 tấn/ngày.

- Thu gom và xử lý: Tổ chức hệ thống thu gom rác; Rác được tập trung tại các thùng đặt ở góc đường trong khu dân cư, công trình công cộng, các trung tâm thương mại, dịch vụ, được thu gom bằng các xe chuyên dùng sau đó được đưa về bãi xử lý rác tập trung của thành phố.

**b. Nghĩa trang:** Toàn khu vực quy hoạch sử dụng nghĩa trang thành phố Phan Thiết.

### **6.6. Quy hoạch cấp điện:**

**a. Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:** 700W/người.

**b. Nguồn điện:** Sử dụng nguồn điện quốc gia 22kv. Nguồn cấp điện cho khu vực quy hoạch tuyến thuộc tuyến trung áp 22kV từ trạm điện Phan Thiết: 110/22kV-(2x63) MVA.

#### **c. Lưới điện:**

- Trung thế: Các tuyến 22kV hiện hữu nằm dọc tuyến giao thông được giữ lại, đảm bảo đủ khả năng truyền tải cấp nguồn cho các trạm biến áp, tuy nhiên trong tương lai cần thay thế đường dây nhằm nâng cao công suất truyền tải. Đồng thời cải tạo nắn tuyến theo việc mở rộng lòng lề đường. Các tuyến 12,7-22kV xây dựng mới hoặc cải tạo này là đường dây nổi, dùng cáp nhôm bọc cách điện lõi thép AC- 185mm<sup>2</sup> - 240mm<sup>2</sup> đối với đường trục chính, AC- 95mm<sup>2</sup> - 120mm<sup>2</sup> đối với nhánh rẽ, các nhánh phụ sử dụng cáp có tiết diện AC-70, AC-50mm<sup>2</sup>. Cấp điện đi trên trụ trung thế bê tông ly tâm (BTLT).

- Hạ thế: Các tuyến 0,4kV hiện hữu ở khu vực trung tâm và các đường trong khu dân cư được giữ lại theo tuyến giao thông cũ không mở rộng lòng lề đường, các tuyến giao thông mở rộng thì cần duy tu, cải tạo hoặc xây mới nhằm nâng công suất tải điện của các tuyến này, giảm bán kính cấp điện từ các trạm hạ áp khu vực. Các tuyến 0,4kV xây dựng mới đi nổi dùng cáp nhôm vện xoắn (cáp ABC), cáp

nhôm AV, tùy theo phụ tải để chọn tiết diện phù hợp, tất cả đều đi trên trụ bê tông hạ áp cao 7,5; 8,5; 10,5 mét tùy theo khu vực dân cư và địa hình hoặc đi chung với tuyến trụ trung áp.

**d. Điện chiếu sáng:**

- Các tuyến đường không mở rộng hiện trạng thì giữ nguyên tuyến chiếu sáng giao thông.

- Các tuyến đường mở rộng nâng cấp hoặc làm mới thì xây mới tuyến chiếu sáng giao thông. Đồng thời sẽ ngầm hóa các tuyến chiếu sáng trục chính khu nội thị của thành phố.

**6.7. Thông tin liên lạc:**

**a. Nhu cầu:** Khoảng 4.224 thuê bao.

**b. Nguồn cấp:** Từ trung tâm viễn thông tỉnh Bình Thuận và các trạm viễn thông của các doanh nghiệp sẽ cấp đến các tuyến đường chính trong khu vực trên địa bàn thành phố.

**c. Mạng lưới:**

- Để phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc, các dịch vụ thông tin hiện đại tại các khu dân cư, khu công cộng, cần xây dựng mới các tủ cáp phối quang chính, nhánh phân phối đến các khu dân cư.

- Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế, bao gồm:

+ Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin có công nghệ hiện đại, làm cơ sở cho việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông đa dạng, đáp ứng phục vụ kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, từng bước phổ cập các dịch vụ bưu chính viễn thông, internet trong nhân dân.

+ Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo các tuyến cống bê và cáp (cáp đồng hoặc cáp quang).

+ Mở rộng phát triển mạng cáp quang ngầm, các tuyến đường cáp này được làm kết hợp trên các tuyến đường giao thông, không sử dụng đất riêng biệt.

+ Các tuyến cáp treo hiện hữu trong tương lai sẽ được ngầm hoá trên các tuyến trục giao thông nội thị để tạo mỹ quan các đô thị trong tương lai.

**7. Đánh giá môi trường chiến lược:**

**7.1. Dự báo các diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch:**

- Môi trường không khí: Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí từ các hoạt động giao thông, hoạt động nấu ăn, hệ thống dẫn nước thải và trạm xử lý nước thải.

- Môi trường nước: Nước thải từ Khu quy hoạch với hàm lượng các chất hữu cơ cao, dễ bị phân hủy sinh học (như carbohydrat, protein, mỡ,...), các chất dinh dưỡng (phosphat, nito), vi trùng, chất rắn và mùi. Nước thải sinh hoạt từ khu vực sẽ được xử lý tại trạm xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Dự báo chất thải rắn: Chất thải rắn từ các hoạt động xây dựng, sinh hoạt, du lịch, thương mại... làm phát sinh lượng chất thải rắn.

- Tiếng ồn: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải; hoạt động vui chơi giải trí của một số nhà hàng ăn uống, karaoke; từ các hoạt động xây dựng, sản xuất công nghiệp.

## **7.2. Các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường:**

### **a. Quản lý nguồn nước thải phát sinh trong khu vực:**

- Quản lý tốt các nguồn phát sinh nước thải lớn từ khu vệ sinh tập trung, nước thải các khách sạn..., bảo tất cả các loại nước thải được xử lý tốt trước khi thải vào môi trường nước mặt xung quanh; thu gom, tận dụng nước thải sau khi xử lý để chăm sóc hệ thống cây xanh, thảm thực vật và việc rửa đường giao thông.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải theo công nghệ hóa – sinh đồng bộ để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ Khu dân cư.

**b. Quản lý các nguồn gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn trong khu vực:** Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của đô thị; quản lý tốt các hoạt động giao thông đường bộ.

### **c. Môi trường đất và hệ sinh thái:**

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa, nước thải và các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn hiện hành cho các khu vực giải trí tập trung và khu dân cư.

- Tận dụng thảm thực vật có sẵn, hạn chế việc thay thế thảm thực vật mới trên nền thực vật bản địa; Sử dụng cây xanh vừa làm tăng cảnh quan các khu công viên, khu dân cư vừa có tác dụng hạn chế tiếng ồn, khí độc hại từ các hoạt động giao thông.

- Sử dụng các xe phun nước trên đường nhằm làm sạch bụi trên các tuyến giao thông nội bộ tập trung đông người.

### **d. Quản lý chất thải rắn:**

- Bố trí và lắp đặt đầy đủ hệ thống các thùng rác công cộng và nhà vệ sinh di động,...

- Chất thải rắn sau khi được thu gom, phân loại qua Trạm trung chuyển đến Khu xử lý;

- Tái sử dụng bùn cặn làm phân bón cho hệ thực vật khu vực.

## **8. Những hạng mục ưu tiên phát triển và nguồn lực thực hiện:**

**a. Giai đoạn 1: Từ năm 2022 - 2030, thực hiện:**

- Xây dựng các Trụ sở khu phố còn thiếu;
- Hoàn thành công trình Nhà hát và Triển lãm văn hóa nghệ thuật Tỉnh;
- Làm mới đường Nguyễn Trãi đoạn từ trụ sở khu phố 2 đến đường Tuyên Quang;
- Hoàn thành việc di dời trụ sở các Sở ngành trên đường Nguyễn Tất Thành về khu hành chính tập trung, quảng trường tỉnh.
- Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

**b. Giai đoạn 2: Từ năm 2030-2040, thực hiện:**

- Đầu tư xây dựng trục thương mại dịch vụ Nguyễn Tất Thành, tổ chức phố đi bộ, không gian tài chính, mua sắm cao cấp,... là khu vực sầm uất sống động để thu hút khách du lịch;
- Triển khai thi công khu vực hồ điều hòa và tuyến phố thương mại Lê Lợi để tổ chức xây dựng công viên biển kết nối với trục cảnh quan Nguyễn Tất Thành, dải công viên Đồi Dương, công viên Thương Chánh hình thành chuỗi không gian xanh khu vực góp phần làm tăng mỹ quan đô thị.

## **9. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu:**

Việc quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng đô thị cần tuân thủ quy hoạch và “*Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu hai (02) phường Bình Hưng, phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết*” được ban hành kèm theo hồ sơ quy hoạch này và tuân thủ quy định tại các Luật và quy định hiện hành của Nhà nước và của thành phố Phan Thiết; Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành; Quy chế quản lý kiến trúc của thành phố Phan Thiết.

Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

#### **1. Phòng Quản lý đô thị thành phố Phan Thiết:**

- Kiểm tra và xác nhận hồ sơ bản vẽ thiết kế quy hoạch kèm theo; chịu trách nhiệm về tính chính xác những nội dung nghiên cứu và các số liệu đánh giá hiện trạng, tính toán kinh tế kỹ thuật;
- Phối hợp với UBND phường Bình Hưng, UBND phường Hưng Long tổ chức công bố công khai quy hoạch phân khu được phê duyệt; thời gian và nội dung công bố công khai thực hiện theo đúng quy định.

**2. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm rà soát, cập nhật đồ án vào quy hoạch sử dụng đất thành phố Phan Thiết đến năm 2030.**



**3. UBND phường Bình Hưng, UBND phường Hưng Long có trách nhiệm:**

- Triển khai công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu được phê duyệt; thời gian và nội dung công bố, công khai thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Quản lý đô thị và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, quản lý chặt chẽ và hướng dẫn người dân và các tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch phân khu được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các phường Bình Hưng, Hưng Long và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Công an tỉnh;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- CT, PCT UBND tp;
- Phó Văn phòng (ĐT);
- Lưu: VT, QLDD, QHDT (Nam. ).

**CHỦ TỊCH**

**Phan Nguyễn Hoàng Tân**